

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/DS-ST

Ngày: 28-8-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản và góp họ*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Bà **Danh Mỹ Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Ngày 28 tháng 08 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2020/TLST- DS, ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và góp họ" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐST-DS, ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H xã M, huyện Ch, tỉnh K.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1980 (Có mặt)

Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1972 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H II, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-5-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Nguyên vào ngày 09-5-2015 bà Nguyễn Thị Tuyết M và chồng là ông Nguyễn Thanh T có đến nhà bà để hỏi vay số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi suất theo thỏa thuận 50.000đ/1 triệu/1 tháng và hứa khoảng 03 tháng đến 04 tháng sẽ hoàn trả cho bà số cả số tiền nợ gốc và số tiền lãi.

Ngoài việc vay số tiền trên của bà thì vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T còn xin bà cho hót 04 (Bốn) phần hui với tổng số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), hiện chân hui đã mần từ năm 2015 đến nay mà bà M ông T vẫn chưa thanh toán lại cho bà.

Như vậy tổng cộng số tiền bà M, ông T nợ bà là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Sau đó vợ chồng bà M, ông T có trả cho bà được số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) thì bỏ địa phương đi làm ăn. Đến năm 2019 thì vợ chồng bà M, ông T về xin bà cho trả từ từ mỗi tháng 1.000.000đồng nhưng đến ngày 20-10-2019 vợ chồng bà M, ông T mới trả được cho bà số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Như vậy tổng số tiền nợ gốc mà vợ chồng bà M, ông T còn nợ bà là 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng).

Bà có làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành, do bà M chỉ xin trả mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng)

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T mỗi tháng trả cho bà số tiền: 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) đến khi dứt số tiền nợ gốc là 59.000.000đồng (Năm mươi chín triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Nguyên vào ngày 09-5-2015 vợ chồng bà có đến nhà bà Nguyễn Thị T để hỏi vay số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi suất theo thỏa thuận 50.000đ/1 triệu/1 tháng và hứa khoảng 03 tháng đến 04 tháng sẽ hoàn trả cho bà T số cả số tiền nợ gốc và số tiền lãi. Trong quá trình vay chúng tôi cũng có đóng lãi cho bà T.

Ngoài việc vay số tiền trên của bà T thì vợ chồng bà còn xin bà T cho hót 04 (Bốn) phần hui với tổng số tiền là 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng), hiện chân hui đã mần từ năm 2015 đến nay nhưng do khó khăn nên vợ chồng chúng tôi vẫn chưa hoàn trả cho bà T.

Như vậy tổng cộng số tiền vợ chồng bà nợ bà T là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Trong quá trình vay vợ chồng bà cũng đã có đóng lãi. Đến năm 2015 do làm ăn thất bại nên gia đình đi làm ăn xa, nhưng cũng có gởi tiền về trả cho bà T được một ít. Do còn nợ nhiều người nên phải trả cho mỗi người một ít, bà T không đồng ý hăm dọa gia đình bà và sau đó vợ chồng bà có đến nhà thương lượng với bà T mỗi tháng trả 1.000.000đ, nhưng do làm ăn không được, đồng thời ba bà bị bệnh nặng nên phải chăm lo nên không trả tiền đều hàng tháng cho bà T.

Trong quá trình vay nợ vợ chồng bà đã trả cho bà T được số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) do khó khăn nên gia đình bà rời địa phương

đi làm ăn. Đến ngày 20-10-2019 vợ chồng bà có trả được cho bà T số tiền 1.000.000đồng (Một triệu đồng). Như vậy tổng số tiền nợ gốc mà vợ chồng bà còn nợ bà T là 59.000.000đồng (Năm mươi chín triệu đồng).

Bà T có làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành, do hoàn cảnh khó khăn nên chỉ xin trả mỗi tháng 500.000đồng (Năm trăm ngàn đồng) nên bà T không đồng ý.

Tại phiên phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M có ý kiến: Xác định hiện tại vợ chồng ông, bà còn nợ bà T tổng cộng số tiền nợ gốc là 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng), nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, làm ăn thất bại xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng) đến khi dứt số tiền 59.000.000đồng.

Ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Tuyết M, thừa nhận hiện nay vợ chồng ông còn nợ bà T số tiền 59.000.000đồng (Năm mươi chín triệu đồng), ông đồng ý cùng bà M trả số tiền nợ trên cho bà T, nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình khá khăn, làm ăn thất bại xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng) đến khi dứt số tiền 59.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 04-5-2020 bà Nguyễn Thị T có đơn yêu khởi KIỆN yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T trả cho bà số tiền vay và tiền hui còn nợ là 59.000.000đ, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T trả cho bà số tiền vay gốc và tiền hui là 59.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi - HĐXX xác nhận định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và góp họ. Do giao dịch dân sự này được xác lập vào năm 2015 nên áp dụng các quy định tại Điều 471, Điều 473, Điều 474 và Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết cho đương sự.

[2] - Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T mỗi tháng trả cho bà số tiền : 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) đến khi dứt số tiền nợ gốc là 59.000.000đồng (Năm mươi chín triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Còn bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T xác nhận hiện

tại vợ chồng ông, bà còn nợ bà Nguyễn Thị T tổng cộng số tiền nợ gốc là 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng), nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, làm ăn thất bại xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng) đến khi dứt số tiền 59.000.000đồng.

Xét thấy số tiền nợ vay và tiền hui bà Nguyễn Thị T kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T được bà M, ông T thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án cũng như tại phiên tòa là hiện nay bà M, ông T còn nợ bà T tổng cộng số tiền là 59.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ trên.

Về cách thức trả nợ hai bên không thống nhất: Bà T yêu cầu bà M, ông T mỗi tháng trả số tiền 3.000.000 đồng. Bà M, ông T chấp nhận trả số tiền nợ trên cho bà T nhưng yêu cầu mỗi tháng trả số tiền 1.000.000đồng.

Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa; Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 479 Bộ luật dân sự 2005 quy định về việc vay tài sản, nghĩa vụ của bên vay và về việc hui, họ, biêu, phường; các Điều 17, Điều 30 Nghị định số:144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định trách nhiệm của thành viên do không góp họ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T; buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay gốc + nợ hui là 59.000.000đồng (Năm mươi chín triệu đồng).

Bà T không yêu cầu tính lãi suất và bà M, ông T cũng không yêu cầu tính lại phần tiền lãi đã trả cho bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu trả nợ theo thời gian và trả dần của các đương sự như thế nào thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số nợ phải trả cho bà T là : $59.000.000\text{đồng} \times 5\% = 2.950.000\text{đồng}$.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí; Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.475.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002344, ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 và Điều 479 Bộ luật dân sự 2005;
- Căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 17, Điều 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, tịch, biên, phường; Điều 27 Nghị định số : 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, tịch, biên, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc “ *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và góp họ* ” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T.

2- Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 59.000.000đồng (Năm mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà M, ông T không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho bà T khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 Tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ liên đới nộp án phí 2.950.000 đồng (Hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí; Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.475.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002344, ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4 - Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ; V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Thị Thúy Hằng